

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2019**



Bim Sơn tháng 3 - 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN**  
**Năm 2019**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 1.100.100.540.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.100.100.540.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (0237) 3.824.242
- Số fax: (0237) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bỉm Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

Nhà máy xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bỉm Sơn là công ty nhà nước trực thuộc Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam nay là Tổng công ty xi măng Việt Nam (VICEM)

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày. Năm 2003 Công ty hoàn thành dự án cải tạo hiện đại hóa dây chuyền số 2 chuyển đổi công nghệ từ ướt sang khô, nâng công suất nhà máy lên 1,8 triệu tấn sản phẩm/năm.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bim Sơn thuộc VICEM thành Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn (Công ty).

Ngày 01/05/2006, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 09/01/2007, khởi công xây dựng dây chuyền mới sản xuất theo phương pháp khô, công suất 2,0 triệu tấn/năm, nâng tổng công suất của toàn nhà máy lên 3,8 triệu tấn/năm.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	ĐVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty Xi măng Việt Nam)	699.720.620	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	256.893.350	26,854

Ngày 18/10/2016, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, vốn điều lệ công ty tăng từ 956,6 tỷ đồng lên 1.100,1 tỷ đồng.

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt phát hành:

Danh mục	ĐVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty Xi măng Việt Nam)	804.678.710	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	295.421.830	26,854

Cuối năm 2019, Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao có công suất thiết kế 220 tấn xi măng/giờ, tương đương với sản lượng nghiền 1,5 triệu tấn xi măng/năm. Thiết bị công nghệ của dự án được đầu tư ở mức độ tiên tiến, hiện đại do nhà thầu LOESCHE (CHLB Đức) cung cấp, thiết kế, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật. Dự án nhằm giải quyết việc thiếu hụt sản lượng nghiền xi măng. Đồng thời, đa dạng hóa sản phẩm, duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, chuyển đổi chủng loại xi măng nhanh chóng, đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng; giảm mức độ ảnh hưởng của bụi, tiếng ồn tác dụng đến môi trường; cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ, giảm chi phí sản xuất, đưa thương hiệu xi măng Bim Sơn tiến xa hơn nữa trên thị trường trong và ngoài nước.

Với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn đã được Đảng và nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động năm 2002; Huân Chương Độc lập Hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; 2 Huân chương Lao động Hạng Nhất, 4 Huân chương Lao động hạng Nhì, 6 Huân chương lao động hạng Ba, 1 Huân chương chiến công hạng Ba, 1 Huân chương vì sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc;

Công ty CP xi măng Bim Sơn 4 lần được tặng cờ thi đua xuất sắc và 4 lần được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 13 lần được tặng cờ và 16 lần được tặng Bằng khen của các Bộ Ngành Trung ương; Ngoài ra tổ chức Đảng và các tổ chức Chính trị xã hội, các tập thể và cá nhân của Công ty đã được các cấp các ngành tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý khác.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **\* Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.

- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.

- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

\* *Địa bàn kinh doanh:*

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Sơn La, Lai Châu, các tỉnh Đông Bắc, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Bình Định, Tây nguyên.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

\* *Cơ cấu bộ máy quản lý*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 09 Phòng ban chức năng:

+ Văn phòng Công ty

+ Phòng Vật tư

+ Phòng Tổ chức

+ Phòng Kỹ thuật

+ Phòng An toàn và môi trường

+ Phòng Kế hoạch chiến lược

+ Phòng Tài chính kế toán

+ Phòng Công nghệ thông tin

+ Phòng Thí nghiệm

- 06 Phân xưởng

+ Xưởng Khai thác

+ Xưởng Bột liệu

+ Xưởng Xi măng

+ Xưởng Nguyên liệu

+ Xưởng Clinker

+ Xưởng Sửa chữa

- 01 Ban quản lý dự án

- 01 Xí nghiệp tiêu thụ

- 01 Chi nhánh Quảng Trị

- 01 Ban kiểm toán nội bộ

- 01 Khối Đảng Đoàn thể

\* Các công ty con:

- a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung  
Tên công ty viết tắt: CRC,JSC.
- b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- c. Ngành, nghề kinh doanh chính:  
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.  
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng, tương ứng 12.960.000 cổ phần.  
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

### 5. Định hướng phát triển

Môi trường kinh doanh 2020

\* Kinh tế thế giới và trong nước:

Năm 2020, mục tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,8%; mục tiêu CPI bình quân năm 2020 khoảng dưới 4%, vốn đầu tư toàn xã hội ước bằng 33 - 34% GDP.

\* Xu hướng ngành xi măng

Năm 2020 ước tiêu thụ xi măng sẽ đạt khoảng 101 - 103 triệu tấn, tăng 4 - 5% so với năm 2019, trong đó tiêu thụ xi măng nội địa khoảng 69 - 70 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 32 - 34 triệu tấn.

Năm 2020 có 2 dây chuyền sản xuất xi măng đi vào vận hành. Cả nước có 86 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 105,84 triệu tấn.

Dự báo sản lượng xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể tăng khiến xuất khẩu xi măng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh nhiều hơn

Năm 2020, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất.

Từ những thách thức nêu trên Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu và thực hiện trong năm 2020 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

a, Mục tiêu chủ yếu của Công ty

\* Mục tiêu về sản xuất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
Sản xuất Clinker	Tấn	3.258.000
Lò 2	”	1.314.000
Lò 3	”	1.944.000

Ngoài việc xây dựng kế hoạch và tập trung nguồn lực nhằm từng bước khắc phục những tồn tại trong năm 2020, cần thực hiện một số hành động sau:

- + Đẩy nhanh tiến độ xây dựng bản đồ hóa của mỏ đá vôi và đất sét.
- + Triển khai quyết liệt các biện pháp để tăng chất lượng clinker và giảm tiêu hao than,

điện, giảm chi phí trong sản xuất.

+ Tiếp tục thực hiện giải quyết các nút thắt công nghệ theo kế hoạch đề ra: sửa chữa hệ thống DCS dây chuyền 2, cải tạo hệ thống lọc bụi; thay thế vành băng đa, cải tạo hàng ghi kids đầu vào lò 3... nhằm xử lý triệt để nút thắt công nghệ và hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa, hạn chế tối đa các sự cố gây dừng vật sau sửa chữa. Thống kê các nguyên nhân sự cố, thời gian xử lý sự cố nhằm đánh giá chất lượng công tác sửa chữa.

+ Triển khai đốt rác cho 2 lò nung nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất đồng thời giải quyết bài toán về môi trường.

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí biến đổi và chi phí sửa chữa để giảm giá thành sản xuất các bán thành phẩm/thành phẩm.

\* Mục tiêu về tiêu thụ:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
<b>Tổng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>5.400.000</b>
Xi măng	”	4.150.000
Clinker	”	1.250.000

- Bám sát hệ thống nhà phân phối, đánh giá kết quả thực hiện của từng nhà phân phối để thúc đẩy các nhà phân phối thực hiện theo đúng sản lượng cam kết.

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường xi măng rời, cho các công trình, trạm trộn trên các địa bàn.

- Phối hợp cùng NPPC xây dựng cơ chế bán hàng cho các nhà xe/VLXD phù hợp với từng địa bàn, giảm thiểu sự cạnh tranh nội bộ từ đó gia tăng lợi nhuận trong hệ thống.

- Ổn định nguồn cung cho các địa bàn xa nhà máy.

- Ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong tiêu thụ. Chuẩn hóa số liệu bán hàng, theo dõi xuất hàng theo thời gian thực.

- Xem xét, rà soát đội ngũ nhân viên thị trường. Đào tạo nhằm từng bước đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

\* Mục tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.646.859
Lợi nhuận trước thuế	”	155.006
Nộp NSNN	”	156.836
EBITDA	”	533.628

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ kế hoạch 2020 các đơn vị.

- Nâng cao quản lý công nợ nhằm giảm thiểu các rủi ro.

\* Mục tiêu đầu tư:

- Đôn đốc, phối hợp với đơn vị và các cấp các ngành liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo tiến độ đề ra và chất lượng thực hiện.

\* Mục tiêu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp đội ngũ Cán bộ, lao động phù hợp theo mô hình mới, nhằm phát huy cao nhất hiệu quả công tác nhân sự.

- Rà soát, phân loại chất lượng lao động làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, sát thực với từng nhóm đối tượng.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện phương án phân phối tiền lương, gắn với chức danh và hiệu quả làm việc nhằm tạo động lực cho người lao động.

- Kiểm soát tốt các định mức kỹ thuật và chi phí sửa chữa.

- Đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công nhân vận hành thiết bị, thợ sửa chữa và bảo trì thiết bị; Đào tạo chuyển đổi nghề cho công nhân để bố trí lao động linh hoạt và hiệu quả; Khuyến khích đào tạo truyền nghề từ thợ bậc cao.

- Tiếp tục rà soát lại các quy chế, quy định để sửa đổi, ban hành phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

+ Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

+ Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.

+ Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.

+ Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận tải, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.

+ Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.

+ Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.

+ Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng cùng với VICEM.



+ Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...

+ Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng bằng giải pháp số hóa chuỗi tiêu thụ (từ nhà máy - nhà phân phối - cửa hàng VLXD cấp 2,3)

- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất:

+ Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.

+ Xã hội hóa công đoạn khai thác.

+ Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.

+ Tối ưu phối liệu, sản xuất clinker low-carbon.

+ Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm cho từng đơn vị.

+ Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.

+ Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.

+ Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.

+ Ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để tối ưu hóa sản xuất.

## **6. Các rủi ro**

Thị trường xi măng Việt Nam nội địa vẫn trong tình trạng “cung” vượt cao so với “cầu”, cạnh tranh càng trở nên khốc liệt.

Về thị trường xuất khẩu, sản lượng xi măng xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể tăng cao khiến xuất khẩu xi măng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi cạnh tranh gay gắt hơn.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a, Tổng quan**

Năm 2019, tình hình khu vực và quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi, tuy nhiên đã đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc, nền kinh tế được cải thiện. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh. GDP đạt 7,02%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 33,9% GDP.

(Nguồn: Tổng cục thống kê: Tình hình kinh tế-xã hội quý IV và năm 2019)

#### **b, Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh**

- Tình hình tiêu thụ (Tấn)

Chỉ tiêu	TH Năm 2019	KH Năm 2019	TH Năm 2018	So sánh TH 2019	
				KH	cùng kỳ
Tổng số tiêu thụ	4.339.209	4.400.000	4.377.258	98,6%	99,1%
Clinker	628.791	300.000	727.870	209,6%	86,4%
Xi măng	3.710.419	4.100.000	3.649.388	90,5%	101,7%

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm năm 2019 đạt 98,6% so với kế hoạch và bằng 99,1% so với cùng kỳ. Trong đó sản phẩm xi măng năm 2019 đạt 90,5% kế hoạch đặt ra và tăng 1,7% so với cùng kỳ.

- Tình hình sản xuất (Tấn)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	KH 2019	Thực hiện 2018	% So sánh với	
				KH	Cùng kỳ
Clinker sản xuất	3.048.166	3.100.000	3.036.598	98,3%	100,4%
<i>Lò 2</i>	<i>1.153.488</i>	<i>1.247.000</i>	<i>1.232.699</i>	92,5%	93,6%
<i>Lò 3</i>	<i>1.894.678</i>	<i>1.853.000</i>	<i>1.803.899</i>	102,2%	105,0%
Tổng XM bột	3.430.398	3.900.000	3.439.934	87,86%	99,72%
<i>XM bột tại NM</i>	<i>3.232.477</i>	<i>3.630.000</i>	<i>3.205.528</i>	89,0%	100,8%
<i>XM bột tại CN Q.Trị</i>	<i>197.921</i>	<i>270.000</i>	<i>234.406</i>	73,3%	84,4%

Sản lượng clinker năm 2019 cao hơn so với cùng kỳ, tuy nhiên thấp hơn so với mục tiêu đề ra (3.100.000 tấn). Nguyên nhân sản lượng lò 2 chưa đạt kế hoạch do chương trình dừng sửa chữa cải tạo máy lạnh lò nung số 2 theo kế hoạch từ tháng 6 năm 2019 tuy nhiên thực tế đến tháng 10 năm 2019 mới dừng sửa chữa. Mặt khác, lò nung số 2 hoạt động lại sau khi cải tạo máy lạnh xảy ra một số sự cố liên quan đến gối đỡ, theo kế hoạch năm 2020, Công ty sẽ triển khai các công việc để khắc phục các sự cố nóng gối đỡ.

Tổng sản lượng nghiền tại Nhà máy cao hơn so với cùng kỳ 26.948 tấn, tuy nhiên chỉ đạt 89% kế hoạch đề ra (3.630.000 tấn) là do tiêu thụ xi măng không đạt mục tiêu.

- Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Thực hiện 2019	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.678.506	4.005.440	3.826.013
2	Giá vốn hàng bán	3.227.777	3.461.598	3.270.748
3	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	450.729	543.842	555.265

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Thực hiện 2019	
			Kế hoạch	Thực hiện
4	Doanh thu hoạt động tài chính	834		604
5	Chi phí tài chính	129.475	87.833	96.314
6	Chi phí bán hàng	124.792	143.650	126.788
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.272	141.346	138.136
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	100.025	171.012	194.631
9	Thu nhập khác	9.330		5.070
10	Chi phí khác	12.536		3.515
11	Lợi nhuận khác	(3.206)	-	1.555
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.819	171.012	196.186
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	76.608	136.809	156.351
14	Nộp ngân sách Nhà nước	146.422	156.394	159.126

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 nhìn chung bám sát với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt được cao hơn so với cùng kỳ và kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông trong kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng giám đốc; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

### 2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành

#### a, Ông Lê Xuân Khôi

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/4/1972

Quê quán: Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 011989282

Địa chỉ thường trú: Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.

Đại diện phần vốn VICEM: 26.827.871 CP, tương đương 24,39% vốn điều lệ.

\* Quá trình công tác:

- Từ 8/1995 đến 06/2006: Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ năm 2005 đến năm 2006: Phó Bí thư Chi bộ Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng.
- Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2014: Phó phòng Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ tháng 11/2014 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Đảng bộ Khối văn phòng VICEM.
- Từ tháng 01/2015 đến 1/2020: Trưởng phòng Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ tháng 8/2015 đến 1/2020: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đảng bộ VICEM nhiệm kỳ 2015-2020.
- Từ 23/4/2018 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**b, Ông Ngô Sỹ Túc**

Chức vụ hiện tại:

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/01/1959

Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 171597830

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phần nắm giữ: 575 cp trong đó Cá nhân sở hữu: 575 cp.

\* Quá trình công tác:

- Từ 01/1984 đến 02/1999: Sau khi tốt nghiệp Đại học ở Hungary vào nhận công tác tại Công ty xi măng Bim Sơn - làm Kỹ thuật viên.
- Từ 03/1999 đến 06/2003: Kỹ thuật viên Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2003 đến 05/2004: Phó phòng Cơ khí Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/2004 đến 05/2005: Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/2005 đến 10/2005: Biệt phái tại Dự án xi măng Hải Phòng.
- Từ 11/2005 đến 09/2006: Phó phòng Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2006 đến 20/01/2010: Phó Giám đốc Ban QLDA xi măng Bim Sơn.
- Từ 20/01/2010 đến 23/12/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn, kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ 01/5/2018 đến 31/12/2018: Quyền Bí thư Đảng ủy, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 24/12/2013 đến 03/8/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 04/8/2018: thôi chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 1/2/2019: Nghỉ hưu.
- Từ 18/4/2019: Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**c, Ông Nguyễn Hoàn Vân**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.  
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/11/1963

Quê quán: Xã Hoảng Quý - Huyện Hoảng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171704076

Địa chỉ thường trú: Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.447.320 CP chiếm 12,22% vốn điều lệ.

Trong đó:

Đại diện phần vốn VICEM: 13.410.000 cp.

Cá nhân sở hữu: 37.320 cp.

\* Quá trình công tác:

- Từ 03/1983 đến 03/1986: Bộ đội - C4-D2 - Lữ đoàn 144 - Bộ Tổng Tham mưu.
- Từ 03/1986 đến 09/1995: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 09/1995 đến 03/1997: CV Ban TCHC Trung tâm giao dịch tiêu thụ - Công ty xi măng Bim Sơn, nay là Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- + Từ 04/1997 đến 09/1999: Trưởng ban TCHC Trung tâm giao dịch tiêu thụ.
- + Từ 10/1999 đến 06/2007: Giám đốc chi nhánh Công ty xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.
- + Từ 06/2007 đến 12/2011: Trưởng Trung tâm giao dịch tiêu thụ.
- + Từ 01/2012 đến 18/12/2017: Giám đốc chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn - Xí nghiệp tiêu thụ.
- + Từ 19/12/2017 đến 4/8/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- + Từ 23/4/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- + Từ 04/8/2018 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**d, Ông Vũ Thế Hà**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/6/1971

Quê quán: Xã Nga Thiện - Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 168281867

Địa chỉ thường trú: Thành phố Phủ Lý, Hà Nam.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Nhiệt.

Đại diện phần vốn VICEM: 13.410.000 cp, tương đương 12,19% vốn điều lệ.

\* Quá trình công tác:

- Từ 1997 đến 1999: Cán bộ kỹ thuật Phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 1999 đến 2001: Trưởng ca sản xuất Phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn.

- Từ 2001 đến 7/2012: Phó phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn.

+ Từ 2010 đến 2011: Điều động biệt phái sang Ban quản lý Dự án xi măng Bút Sơn 2 kiêm nhiệm Tổ phó Tổ sản xuất thử.

+ Từ 2011 đến 7/2012: Điều động biệt phái sang Xí nghiệp Tiêu thụ - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn, kiêm nhiệm Phó phòng Kế hoạch Thị trường, Xí nghiệp Tiêu thụ xi măng Bút Sơn.

- Từ 08/2012 đến 3/2016: Thư ký Hội đồng thành viên - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

+ Từ 5/2014 đến 03/2016: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn và Công ty cổ phần xi măng VICEM Hoàng Mai.

- Từ 03/2016 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 23/4/2018: Bổ nhiệm thành viên HĐQT - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 01/7/2019: Thôi Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**e, Ông Lê Huy Quân**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1965

Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171135837

Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 13.433.575 cp

Trong đó:

Đại diện phần vốn VICEM: 13.410.000 cp, tương đương 12,19% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 23.575 cp.

\* Quá trình công tác:

- Từ 03/1984 đến 10/1993: Kế toán Xí nghiệp vật tư xây dựng số 405.

- Từ 11/1993 đến 11/2006: Kế toán Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 12/2006 đến 01/2012: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 02/2012 đến 07/2012: Phụ trách phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 08/2012 đến 28/05/2015: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 28/05/2015 đến 26/07/2019: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 18/04/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty CP xi măng Bỉm Sơn
- Từ 26/07/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

**f, Ông Trần Anh Tuấn**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/10/1974

Quê quán: Thành phố Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 168548304

Địa chỉ thường trú: Thành phố Phủ lý, Hà Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ Silicat, cử nhân quản trị kinh doanh

\* Quá trình công tác:

- Từ 09/1992 đến 07/1998: Sinh viên trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.
- Từ 08/1998 đến 11/2003: Kỹ sư vận hành, phòng Điều hành trung tâm, Công ty xi măng Bút Sơn, Hà Nam.
- Từ 11/2003 đến 07/2008: Trưởng ca vận hành, phòng Điều hành trung tâm, Công ty xi măng Bút Sơn, Hà Nam.
- Từ 7/2008 đến 02/2011: Phó phòng Phòng Điều hành trung tâm, Công ty xi măng Bút Sơn, Hà Nam.
- Từ 3/2011 đến 2/2013: Phó phòng Kinh tế kế hoạch, Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.
- Từ 02/2013 đến 12/2013: Phó quản đốc phụ trách xưởng Lò nung, Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.
- Từ 5/2013- 11/2015: Bí thư chi bộ xưởng Lò nung, Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.
- Từ 12/2013 đến 11/2015: Quản đốc phụ trách xưởng Lò nung, Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.
- Từ 12/2015 đến 25/7/2019: Quản đốc xưởng Clinker, Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.
- Từ 26/7/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

**g, Ông Phạm Văn Phương**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/11/1965

Quê quán: Xã Nghĩa Tân, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam  
CCCD số: 036065001132  
Địa chỉ thường trú: Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực

\* Quá trình công tác:

- Từ 11/1987 đến 06/1996: KTV, ĐV - Văn phòng Cơ khí, Công ty xi măng Hoàng Thạch.
- Từ 06/1996 đến 09/2003: Quản đốc - Bí thư chi bộ, Xưởng Xe máy Công ty xi măng Bút Sơn.
- Từ 09/2003 đến 07/2011: Trưởng phòng Cơ điện - Bí thư chi bộ, Công ty xi măng Tam Điệp.
- Từ 07/2011 đến 11/2019: Phó Tổng giám đốc, TV HĐQT-TVĐU, Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Tam Điệp.
- Từ 01/12/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

***h, Ông Nguyễn Minh Đức***

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn  
Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 12/3/1980  
Quê quán: Quận Ba Đình, TP Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Chứng minh thư số: 168281867

Địa chỉ thường trú: 814/6 đường Láng, quận Đống Đa, TP Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
Số cổ phần đại diện VICEM: 13.410.000, chiếm 12,19% vốn điều lệ.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 6/2007 đến tháng 4/2010: Chuyên viên Phòng Dự án, Công ty XNK xi măng.
- Từ năm 5/2010 đến nay: Chuyên viên Phòng Thanh tra Phòng chống tham nhũng VICEM.
- Từ 23/4/2018 đến nay: Bổ nhiệm thành viên HĐQT, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

***i, Ông Nguyễn Đức Sơn***

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Phòng Tài chính kế toán - Công ty CP xi măng Bim Sơn  
Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 23/03/1983  
Quê quán: Nga Hưng - Nga Sơn - Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
CCCD: 038083000956

Địa chỉ thường trú: TX.Bim Sơn, Thanh Hóa  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán.  
Số lượng cổ phần nắm giữ: 805 cp trong đó cá nhân sở hữu 805 cp.

\* Quá trình công tác:



- Từ 10/2006 đến 12/2011: Kế toán tổng hợp - Phòng KT-TK-TC, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/2012 đến 14/05/2013: Trưởng phòng Kế toán - Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.
- Từ 15/05/2013 đến 05/06/2013: Phó phòng KT-TK-TC, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/06/2013 đến 11/2013: Trưởng phòng Kế toán, Công ty CP Xi măng Miền Trung.
- Từ 12/2013 đến 26/7/2019: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.
- Từ 21/4/2015 đến 23/4/2018: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.
- Từ 26/7/2019 đến 29/7/2019: Phó phòng - Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 30/7/2019 đến nay: Trưởng phòng Phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**k, Ông Nguyễn Chí Thức**

Chức vụ hiện tại: Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty  
Trưởng phòng Phòng KT&NCTK

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/5/1980

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038080003315

Địa chỉ thường trú: Khu phố 7, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ vật liệu Silicat

\* Quá trình công tác:

- Từ 11/2004 đến 11/2006: Nhân viên phòng Điều hành sản xuất – Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 12/2006 đến 6/2010: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Ban quản lý dự án – Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 6/2010 đến 10/2012: Nhân viên phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP XM Bim Sơn.
- Từ 10/2012 đến 3/2014: Phó phòng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP XM Bim Sơn.
- Từ 12/2014 đến 12/2015: Bí thư chi bộ Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 4/2015 đến 12/2015: Phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 6/2015 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đảng bộ Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 1/2016 đến 9/10/2018: Phó Phòng Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 22/5/2018 đến nay: Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty.
- Từ 10/10/2018 đến nay: Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai Công ty CP xi măng Bim Sơn.

### 2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

#### **a, Ông Lê Hữu Phăng**

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1963

Quê quán: Xã Đông Tiến, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 038063003680

Địa chỉ thường trú: P. Ba Đình - TX Bim Sơn-Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Số cổ phần nắm giữ: cổ phần cá nhân sở hữu 575 cp, chiếm 0,00052% vốn điều lệ.

\* Quá trình công tác:

- Từ 01/10/1982 đến 05/11/1985: Công nhân, Xưởng Đóng bao, Nhà máy XMBS.
- Từ 05/11/1985 đến 03/10/1988: Sinh viên, Trường Trung học xây dựng số 1 - BXD.
- Từ 04/10/1988 đến 31/12/1991: Nhân viên, P. Tài chính kế toán, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 1/1990 đến 1997: Nhân viên xưởng Xi măng, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 1993 đến 1997: Sinh viên trường ĐH Mở Hà Nội
- Từ 1997- 2013: Nhân viên, P. Tài chính kế toán, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/01/2014 đến 23/04/2018: Tổ trưởng tổ vật tư phòng Tài chính kế toán, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

#### **b, Bà Tào Thị Nga**

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp tiêu thụ - Công ty CP xi măng Bim Sơn.

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/04/1986

Quê quán: Bim Sơn, Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 172642747

Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, Bim Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 01/2013: Chuyên viên, Phòng kế toán thống kê tài chính - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ năm 2013 đến năm 2014: Phó phòng, phụ trách phòng Tài chính kế toán, Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ 23/4/2018 đến nay: Bổ nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**c, Bà Nguyễn Thị Thanh Hương**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/10/1975

Quê quán: An Lễ, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 197107013

Địa chỉ thường trú: TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

\* Quá trình công tác:

- Từ năm 1997 đến năm 2003: Kế toán - Công ty Thạch cao xi măng - Chi nhánh Quảng Trị

- Từ năm 2003 đến năm 2011: Kế toán, Công ty Thạch cao xi măng - Ban quản lý dự án Trạm nghiên cứu Quảng Trị.

- Từ 16/06/2011 đến nay: Trưởng ban kế toán – Chi nhánh Quảng Trị - Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ 23/4/2018 đến nay: Bổ nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**2.4. Thay đổi trong Ban điều hành**

Ngày 01/7/2019, Ông Vũ Thế Hà thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Ngày 26/7/2019:

+ Bổ nhiệm Ông Lê Huy Quân - Kế toán trưởng, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

+ Tiếp nhận Ông Trần Anh Tuấn - Quản đốc Xưởng Clinker, Công ty CP xi măng Bút Sơn và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

+ Công ty giao nhiệm vụ cho Ông Nguyễn Đức Sơn - Phó phòng, phụ trách Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Ngày 30/7/2019, bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Sơn - Phó phòng, phụ trách Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Ngày 1/12/2019, tiếp nhận Ông Phạm Văn Phương - Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Tam Điệp và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

**2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lao động bình quân của công ty năm 2019: 1.443 người.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị thực hiện khối lượng là 188,930 tỷ đồng, bằng 55% kế hoạch; giá trị thực hiện chỉ tập trung ở Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao;

- Giá trị thanh toán là 258,544 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch và giá trị thanh toán chỉ tập trung ở Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao.

- Ngày 1/12/2019, chính thức đưa hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao vào sản xuất kinh doanh.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.412	4.395	0%
Doanh thu thuần	3.679	3.826	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	100,02	194,63	95%
Lợi nhuận khác	-3,21	1,56	-149%
Lợi nhuận trước thuế	96,82	196,19	103%
Lợi nhuận sau thuế	76,61	156,35	104%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,33	0,30
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,14	0,16
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57%	54%
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	133%	115%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
<input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	6,07	7,94
<input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	83	87
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,1	4,1
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,4	8,9
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,7	3,6

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,7	5,1

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

#### b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 80.467.871 cổ phần, chiếm 73,146%.
- Cá nhân và các tổ chức khác: 29.542.183 cổ phần, chiếm 26,854%.

#### c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

### 6. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của Công ty

#### 6.1 Quản lý nguồn năng lượng

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
I	Sản lượng clinker sản xuất	Tấn	3.048.166
1	Đá vôi sử dụng	Tấn	3.689.837
2	Đất sét sử dụng	Tấn	783.940
3	Đất giàu silic (tự khai thác)	Tấn	189.468
4	Đất giàu sắt	Tấn	104.848
5	Xi khí hóa than	Tấn	27.577
6	Vật liệu chịu lửa		
	Gạch kiềm tính	Kg	797.230
	Gạch Alumin	Kg	440.711
	Bê tông chịu nhiệt	Kg	412.686
II	Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất xi măng tại NM	Tấn	3.232.477
1	Clinker sử dụng	Tấn	2.460.408
2	Thạch cao sử dụng	Tấn	141.731
3	Đá bazan sử dụng	Tấn	265.280

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
4	Đá vôi sử dụng	Tấn	117.959
5	Đá sét sử dụng	Tấn	45.740
6	Đá vôi đen sử dụng	Tấn	75.909
7	Xi lò cao sử dụng	Tấn	11.203
8	Tro bay sử dụng	Tấn	126.198

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

## 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Nhiên liệu, năng lượng tại NM			
	Điện năng (Kwh)	kWh	312.896.220	
2	Than cám (Tấn)	Tấn	423.625	
2.1	Than cám 3c.1	Tấn	101.709	Nung Clinker
2.2	Than cám 4a.1	Tấn	277.589	Nung Clinker
2.3	Than Úc nhập khẩu	Tấn	39.450	Nung Clinker
2.4	Than cám 4b.1	Tấn	4.878	Nung Clinker
3	Xăng, dầu	Lít	1.215.794	
3.1	Dầu diezen (lít)	Lít	1.215.794	Dầu khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi, đá sét, vận chuyển nội bộ, dầu sấy-đốt lò.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo quả của các sáng kiến này:

Giải pháp TKNL dự kiến áp dụng	Loại Nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả	Tiết kiệm chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
Tăng cường quá trình quản lý, kiểm soát vận hành công đoạn lò nung.	Than cám	Tiết kiệm nhiên liệu than.	Mức tiết kiệm NL: 5,5 kcal/kg Clinker	Tương đương với 2452 tấn than 3c HG (nhiệt trị than 3c trung bình năm 2019 là 6.792 kcal/kg than) Tiết kiệm chi phí 6.257 (Tr. đồng)	Định mức giao: 835 kcal/kg clinker Thực hiện 2019: 829,5 kcal/kg clinker
Duy trì lò nung hoạt động ổn định, chạy lò dài ngày	Dầu DO	Tiết kiệm nhiên liệu đốt lò	Mức tiết kiệm NL: 0,58 kcal/kg Clinker	Tương đương với 208.142 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 3.152 (Tr. đồng)	Định mức giao: 2 kcal/kg clinker Thực hiện 2019: 1,42 kcal/kg clinker
Tăng cường công tác quản lý định mức, kiểm soát quá trình khai thác đá vôi	Dầu DO	Tiết kiệm nhiên liệu cho phân đoạn khai thác	Phân đoạn khai thác thực hiện 0,058 lít/tấn đá vôi/định mức: 0,070	Tương đương với 24.973 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 378 (Tr. đồng)	
Tăng cường công tác quản lý định mức, kiểm soát quá trình khai thác đá sét	Dầu DO	Tiết kiệm nhiên liệu cho phân đoạn khai thác	Phân đoạn khai thác thực hiện 0,040 lít/tấn đá sét/định mức: 0,058	Tương đương với 15.849 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 240 (Tr. đồng)	
Vận hành các thiết bị tránh giờ cao điểm, đồng thời vẫn đạt và vượt công suất thiết kế	kWh	Tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm	Mức tiết kiệm NL: 1,91 (%)	Tiết kiệm chi phí: 8.803 (Tr. đồng)	Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện.
Áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật, thiết bị tiết kiệm năng lượng và hiệu quả trong lĩnh vực chiếu sáng Công ty.	kWh	Tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm	Mức tiết kiệm NL: 61.197kWh Mức tiết kiệm NL: 3(%)	Tiết kiệm chi phí: 90 (Tr. đồng)	- Thay thế dần các bóng đèn công suất lớn bằng bóng đèn tiết kiệm điện; Bảo dưỡng các bộ đèn. - Sử dụng thiết bị đóng cắt tự động - Tăng cường chiếu sáng tự nhiên

- Phong trào Sáng kiến cải tiến kỹ thuật được phát huy và mang lại giá trị tiết kiệm cho công ty như sau: Tổng số sáng kiến: 20 sáng kiến, 1 đề tài NCKH giá trị làm lợi tiết kiệm dự kiến 32.560 triệu đồng. Trong đó, điển hình có một số sáng kiến mang lại giá trị làm lợi tương đối lớn như:

Tên SK	Tình trạng trước khi thực hiện SK	Nội dung giải pháp	Giá trị làm lợi (triệu đồng)
Sắp xếp lại sản xuất để tối ưu hóa việc đập tại CT21.1	Công trình CT11 có nhiệm vụ đập sét cao silic, đất giàu silic và sét hỗn hợp cho kho sét 2 khi máy đập CT21.1 dừng. Nhược điểm khi đập tại CT11 là chi phí điện năng cao. Mặt khác hiệu suất sử dụng thiết bị CT11 thấp nên hiệu quả không cao	Chuyển toàn bộ việc đập nguyên liệu ở CT11 sang CT21.1 để giảm chi phí vận hành và sửa chữa	850
Sắp xếp lại sản xuất để tối ưu hóa việc nhập với đập thạch cao CT15	Thạch cao được nhập về bãi chứa ở xưởng Xi măng và được xe xúc vụn gọn lại. Khi có kế hoạch đập thạch cao tại CT15 thì phải sử dụng máy xúc và oto để vận chuyển từ bãi xưởng Xi măng về CT15 để đập. Việc này làm tăng chi phí vận chuyển	Tối ưu lại các bãi chứa và thời gian nhập thạch cao để nâng cao hiệu suất đập ở CT15, giảm chi phí vận chuyển thạch cao từ các bãi về CT15 để đập.	719
Giải pháp quản lý để xã hội hóa công tác khai thác, bóc xúc, vận chuyển đá và vận chuyển sét năm 2019	Hiện nay, một số thiết bị khai thác và vận chuyển đá, sét của Công ty đã xuống cấp, chi phí sửa chữa lớn, hiệu quả hoạt động không cao. Vì vậy sang năm 2018, Công ty đã thuê khoan nổ, bóc xúc, vận chuyển đá từ mỏ đá vôi Yên Duyên về CT 22 với tỷ lệ thuê ngoài là 47%. Tuy nhiên phần chi phí khai thác, vận chuyển đá, sét tự làm vẫn còn cao	Điều chỉnh phạm vi công tác thuê ngoài cho phù hợp với điều kiện thực tế (cả về mặt thiết kế, quy hoạch lại mỏ) và tiết giảm chi phí khai thác và vận chuyển, cụ thể: - Đồi với đá vôi: Thuê ngoài 47% sản lượng khoan nổ, bóc xúc, vận chuyển đá bãi 19 mỏ đá vôi Yên Duyên về CT 22; Vận chuyển toàn bộ phần đá vôi do Công ty khai thác về CT 22 - Đồi với sét: Thuê ngoài vận chuyển 100% sản lượng sét do Công ty khai thác, bóc xúc về trạm đập CT 21.1	24.590
Nghiên cứu sử dụng xỉ khí hóa than vào sản xuất clinker tại Công ty CP xi	- Hàng năm các công ty khí điện đạm thải lượng tro xỉ rất lớn ra môi trường, trong đó Công ty TNHH MTV đạm Ninh Bình, lượng tro, xỉ phát sinh từ các phân xưởng nhiệt điện và khí hóa than khoảng 120.000 tấn/năm. - Thành phần hóa của Xi khí hóa than tương tự như sét sử	Nghiên cứu sử dụng xỉ khí hóa làm nguyên liệu điều chỉnh vừa thay thế một phần sét vàng có thành phần hóa dao động và tận dụng được nhiệt thừa để thay thế một phần than. - Xi khí hóa phối trộn cùng với sét trong kho với tỷ lệ	5.672



Tên SK	Tình trạng trước khi thực hiện SK	Nội dung giải pháp	Giá trị làm lợi (triệu đồng)
mãng Bim Sơn.	<p>dụng trong các Nhà máy xi măng, mặt khác vẫn còn một lượng than chưa cháy hết, nhiệt trị trung bình của xi khí hóa từ 1.200÷1.800 Kcal/kg gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường</p> <p>Vì vậy việc nghiên cứu sử dụng xi khí hóa vừa góp phần giảm lãng phí tài nguyên và giảm chi phí nhiên liệu trong sản xuất.</p>	<p>12÷15% trong đồng sét</p> <p>Tùy vào thực tế về chất lượng nguyên liệu và bài phối liệu thì các tỷ lệ bằng cân được điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng yêu cầu về thành phần hóa bột liệu cấp lò và chất lượng clinker.</p>	

### 6.3. Tiêu thụ nước

#### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước được khai thác từ dưới đất, tầng chứa nước có chiều sâu nhỏ hơn 100m.

- Lượng nước sử dụng trong năm 2019 là 944.180 m<sup>3</sup>, bình quân 2.586,79 m<sup>3</sup>/ngày-đêm.

#### b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Tỷ lệ phân trăm: 8%

- Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 73.000 m<sup>3</sup>.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động (lao động bình quân năm 2019): 1.443 người

Mức lương bình quân: 16,35 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Căn cứ kết quả khám sức khỏe định kỳ hàng năm của trạm y tế Công ty để có chính sách bố trí lao động hợp lý.

- Thực hiện khám bệnh nghề hàng năm cho người lao động. Thực hiện tốt các chế độ về BHXH; huấn luyện ATLĐ; tổ chức TQDL, điều dưỡng cho NLD có sức khỏe yếu ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

+ Đào tạo bồi dưỡng dành cho CB quản lý cấp cao, cấp trung: 3.264 giờ

+ Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng: 48 giờ; đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật: 520 giờ.

+ Đào tạo công nhân kỹ thuật: 3.288 giờ

+ Các khóa huấn luyện (ATLĐ, PCCN, an ninh quốc phòng, tuyên truyền chính sách pháp luật ...): 816 giờ.

- Các chương trình đào tạo gồm: Đào tạo bồi dưỡng dành cho CB quản lý cấp cao, cấp trung; Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng; đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật; Đào tạo công nhân kỹ thuật; Các khóa huấn luyện (ATLĐ, PCCN, an ninh quốc phòng, tuyên truyền chính sách pháp luật ...).

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2019, Công ty đã ủng hộ 9,17 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa thông qua các chương trình: phụng dưỡng mẹ Việt nam Anh hùng và thân nhân liệt sỹ (11 mẹ VNAH và 14 thân nhân liệt sỹ); ủng hộ tỉnh Thanh Hóa và các huyện bị thiệt hại nặng do lũ lụt

(huyện Quan Sơn, Mường Lát); ủng hộ các quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, ủng hộ thanh niên lên đường nhập ngũ, tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Nam Định,...

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đã nỗ lực vượt bậc, khắc phục những khó khăn để đạt được những kết quả cụ thể:

Kết quả tiêu thụ sản phẩm (tấn):

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2019	TH 2018	% So sánh với	
				KH 2019	TH 2018
<b>Tổng số tiêu thụ</b>	<b>4.339.209</b>	<b>4.400.000</b>	<b>4.377.258</b>	<b>98,6%</b>	<b>99,1%</b>
Clinker	628.791	300.000	727.870	209,6%	86,4%
Xi măng	3.710.419	4.100.000	3.649.388	90,5%	101,7%

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn):

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2019	TH 2018	% So sánh với	
				KH 2019	TH 2018
Clinker sản xuất	3.048.166	3.100.000	3.036.598	98,3%	100,4%
Lò 2	1.153.488	1.247.000	1.232.699	92,5%	93,6%
Lò 3	1.894.678	1.853.000	1.803.899	102,2%	105,0%
XM bột tại NM	3.232.477	3.630.000	3.205.528	89 %	100,8%
XM bột tại CN Q.Trị	197.921	270.000	234.406	73,3%	84,4%

#### 2. Tình hình tài chính

Mặc dù tình hình tài chính còn nhiều khó khăn nhưng trong năm Công ty đã cố gắng cân đối nguồn vốn sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công ty luôn tích cực theo dõi, đơn đốc thu hồi công nợ bán hàng từ đó giảm dư nợ với nhà cung cấp, giảm dư nợ vay ngân hàng và các nhà thầu. Đồng thời đàm phán lại về mặt lãi suất vay vốn để từ đó giảm lãi vay ngắn hạn, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Tổ chức lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty thực hiện từ 01/12/2019.

Thực hiện quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026 thuộc diện Công ty và Tổng Công ty quản lý.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2020 Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

Clinker sản xuất: 3.258.000 Tấn

Tiêu thụ sản phẩm:	5.400.000	Tấn
Trong đó: Xi măng:	4.150.000	Tấn
Clinker:	1.250.000	Tấn
Doanh thu thuần:	4.646,859	Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	155,006	Tỷ đồng

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP đạt 7,02%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước bằng 33,7% GDP.

Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2019 tăng trưởng cao hơn so với dự báo, trong đó tăng trưởng chủ yếu ở thị trường xuất khẩu.

Nguồn cung xi măng tiếp tục tăng, một số xi măng mới tham gia thị trường đưa ra nhiều chính sách hấp dẫn để lôi kéo khách hàng. Đặc biệt là chính sách cạnh tranh bằng giá thấp nên làm giảm mặt bằng giá xi măng trên thị trường.

Xu hướng dịch chuyển từ xi măng mác thấp sang mác cao, từ xi măng bao sang xi măng bê tông thương phẩm.

Trước hoàn cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

##### *Về tình hình sản xuất*

Tăng cường công tác tuần tra thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa.

Kiểm soát chất lượng sửa chữa, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, tránh tình trạng dừng vật nhiều. Giao các chỉ số OEE từng công đoạn cho các đơn vị kiểm soát, trường hợp không đạt được mục tiêu phải có giải trình cụ thể để tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục.

##### *Về tình hình đầu tư*

Đôn đốc, phối hợp với đơn vị và các cấp các ban ngành liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo kế hoạch đề ra và chất lượng thực hiện.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi

măng Bim sơn, bám sát kế hoạch của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 ước tiêu thụ xi măng sẽ đạt khoảng 101 - 103 triệu tấn, tăng 4 - 5% so với năm 2019, trong đó tiêu thụ xi măng nội địa khoảng 69 - 70 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 32 - 34 triệu tấn.

Năm 2020 có 2 dây chuyền sản xuất xi măng đi vào vận hành. Cả nước có 86 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 105,84 triệu tấn.

Dự báo sản lượng xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể tăng khiến xuất khẩu xi măng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh nhiều hơn

Từ những thách thức nêu trên, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu như sau:

Clinker sản xuất:	3.258.000	Tấn
Tiêu thụ sản phẩm:	5.400.000	Tấn
Trong đó: Xi măng:	4.150.000	Tấn
Clinker:	1.250.000	Tấn
Doanh thu thuần:	4.646,859	Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	155,006	Tỷ đồng

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành phần HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
1	Lê Xuân Khôi	Chủ tịch	26.827.871	26.827.871	
2	Nguyễn Hoàn Vân	Thành viên	13.447.320	13.410.000	37.320
3	Lê Huy Quân	Thành viên	13.433.575	13.410.000	23.575
4	Vũ Thế Hà	Thành viên	13.410.000	13.410.000	
5	Nguyễn Minh Đức	Thành viên	13.410.000	13.410.000	

#### b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết, quyết định.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Ban kiểm soát tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tên chương trình đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Lê Hữu Phăng	Trưởng ban Kiểm soát	Quản trị DN sau cổ phần hóa	3 ngày	Viện CN Xi măng
2	Tào Thị Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	Quản trị DN sau cổ phần hóa	3 ngày	Viện CN Xi măng
3	Nguyễn T. Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	Quản trị DN sau cổ phần hóa	3 ngày	Viện CN Xi măng

## 2. Ban kiểm soát

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Lê Hữu Phăng	Trưởng Ban Kiểm soát	575		575
Tào Thị Nga	TV.BKS - TP.TCKT, XNTT	575		575
Nguyễn Thị Thanh Hương	TV.BKS - CNQT	575		575

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chương trình công tác năm 2019, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động như sau:

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý và đề xuất một số nội dung trong quá trình soạn thảo và thực hiện các quy chế, nghị quyết của HĐQT và quy định của Công ty.

- Thường xuyên trao đổi, đánh giá kiểm điểm công việc thực hiện qua các buổi họp và thông qua hệ thống thông tin của Công ty.

- Giám sát, tham gia việc triển khai kế hoạch SXKD của Công ty.

- Giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, tình hình thực hiện các dự án ĐTXD.

- Thẩm tra Báo cáo tài chính theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và kết thúc năm tài chính 2019.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách với người lao động; việc thực hiện các nội quy, quy chế của công ty.

- Giám sát hoạt động bán hàng và công nợ phải thu.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập về việc soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính của Công ty.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

#### **4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

##### *a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của Công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2019, do Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể là:

*ĐVT: đồng/người/tháng*

<b>TT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2019</b>
1	Chủ tịch HĐQT	8.000.000
2	Thành viên HĐQT	6.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký	4.000.000

Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương theo quy chế hiện hành của Công ty

*b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*

*c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có*

*d) Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ theo các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị trong năm.

#### **VI. Báo cáo tài chính**

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 - Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 23831.5100

Fax: (84.4) 23831.5090

Website: [www.ey.com.vn](http://www.ey.com.vn)

##### *1. Ý kiến kiểm toán*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt

Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty (bao gồm: Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán) được đăng trên website: [www.ximangbimson.com.vn](http://www.ximangbimson.com.vn)

Bim Sơn, ngày            tháng            năm 2020

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Vân**